

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN THÀNH
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 31/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 07-6-2017

“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THÀNH, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đức Hào

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Nhung
2. Bà Ngô Thụy Mai Trâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền-Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Lý, kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 422/2016/TLST- HNGĐ ngày 15/11/2016 về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2017/QĐXXST-HN ngày 28/4/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2017/QĐ-HPT ngày 15/5/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Q, sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ A, Khu phố B, thị trấn C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt).

Bị đơn: Ông Hoàng Nhật T, sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ A, Khu phố B, thị trấn C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: Tổ X, Khu phố E, thị trấn C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Võ Thị Q trình bày:

Bà và ông Hoàng Nhật T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 84, quyển số 01 ngày 21/6/2007. Sau khi kết hôn, bà và ông T sinh sống với gia đình bà Q tại tổ 2, khu phố Vạn Hạnh, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Bảo H, sinh ngày 27/5/2008. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng hay cãi vã nhau do bất đồng quan điểm sống về cách chi tiêu, dành dụm tiền, ông T hay ghen tuông vô cớ và cho rằng bà Q ngoại

tình rồi dùng lời lẽ xúc phạm bà Q. Khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà Q và gia đình hai bên đã cố gắng hàn gắn tình cảm cho bà và ông T nhưng không có kết quả. Do vợ chồng mâu thuẫn, cuộc sống căng thẳng nên từ tháng 12/2016, ông T đã ra ngoài thuê nhà trọ ở còn bà Q vẫn ở chung với cha mẹ và cháu Hoàng Bảo H.

Nay bà Q nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên gửi đơn đến Tòa án nhân dân huyện D yêu cầu:

Về tình cảm: Bà Võ Thị Q xin ly hôn với ông Hoàng Nhật T.

Về con chung: Sau khi ly hôn, bà Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Hoàng Bảo H cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để triệu tập ông Hoàng Nhật T lên Tòa án làm việc nhưng ông T vẫn không chấp hành.

Tại biên bản xác minh ngày 27/4/2017, bà Đào Thị Dung-Trưởng khu phố B, thị trấn C cung cấp: Vợ chồng ông Hoàng Nhật T và bà Võ Thị Q có chung sống với nhau tại khu phố B, thị trấn C. Trong thời gian chung sống, vợ chồng bà Q, ông T có cãi vã nhau và hiện sống ly thân.

Tại biên bản xác minh ngày 28/4/2017, ông Vũ Tụy - Công an viên phụ trách khu phố B, thị trấn C cung cấp: Ông Hoàng Nhật T có đăng ký tạm trú tại tổ 2, khu phố B, thị trấn C từ năm 2012. Từ tháng 12/2016 đến lưu trú tại khu phố E, thị trấn C. Tại biên bản xác minh ngày 28/4/2017, ông Hà Ngọc Đoàn – Công an viên phụ trách khu phố E, thị trấn C cung cấp: Ông Hoàng Nhật T có cư trú tại tổ X, khu phố E, thị trấn C từ tháng 01/2017.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành tham gia phiên tòa:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, thư ký, hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng như sau:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan trong quá trình thụ lý và chuẩn bị xét xử. Tuy nhiên vụ án còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử cần rút kinh nghiệm. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không chấp hành, vi phạm quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Sự vắng mặt của bị đơn chứng tỏ bị đơn đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Hoàng Nhật T là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án “*ly hôn, tranh chấp nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Vụ án xin ly hôn, tranh chấp nuôi con do bà Võ Thị Q khởi kiện ông Hoàng Nhật T thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện D. Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật. Ông Hoàng Nhật T đã được tổng đạt hợp lệ các quyết định, giấy triệu tập của Tòa án mà vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung vụ án: Bà Võ Thị Q khai, bà và ông T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Hội đồng xét xử thấy rằng cuộc hôn nhân của bà Quý, ông T là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do ông T ghen tuông vô cớ và xúc phạm bà Q nên bà Q nộp đơn yêu cầu Tòa án cho ly hôn.

Xét thấy lời khai của bà Q là phù hợp với thông tin cung cấp tại biên bản xác minh của bà Đào Thị Dung-Trưởng khu phố Vạn Hạnh, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành nên xác định mâu thuẫn vợ chồng bà Q là có thật và lỗi dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt bắt nguồn từ việc ông T không có ý thức xây dựng cuộc sống chung, ghen tuông vô cớ, xúc phạm danh dự bà Q.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử khẳng định mâu thuẫn giữa bà Q và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nghĩ nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Q: Bà Q được ly hôn với ông Hoàng Nhật T.

Xét yêu cầu của bà Võ Thị Q được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Bảo H, sinh ngày 27/5/2008 cho đến khi cháu đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Xét thấy: Hiện cháu H sống ổn định với mẹ từ khi vợ chồng bà Q sống ly thân, cháu H được cho đi học bình thường nên để không gây xáo trộn về tâm lý đồng thời đảm bảo cho sự phát triển về tinh thần cũng như quyền lợi mọi mặt của cháu H và phù hợp với nguyện vọng của cháu, áp dụng Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Hoàng Bảo H cho bà Võ Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà Q không yêu cầu nên ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Bà Võ Thị Q phải nộp án phí theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Q. Bà Võ Thị Q được ly hôn với ông Hoàng Nhật T.

Về con chung: Giao cháu Hoàng Bảo H, sinh ngày 27/5/2008 cho bà Võ Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông Hoàng Nhật T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Hoàng Nhật T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này.

Vì quyền lợi mọi mặt của con, một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 28 Pháp lệnh án phí, lệ phí năm 2009: Bà Võ Thị Q phải nộp 200.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001185 ngày 15/11/2016 tại Chi cục thi hành án huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Bà Võ Thị Q đã nộp xong tiền án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án của Tòa án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND huyện Tân Thành;
- Chi cục THADS huyện Tân Thành;
- UBND thị trấn Phú Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đặng Đức Hào